

Cẩm nang hướng dẫn THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

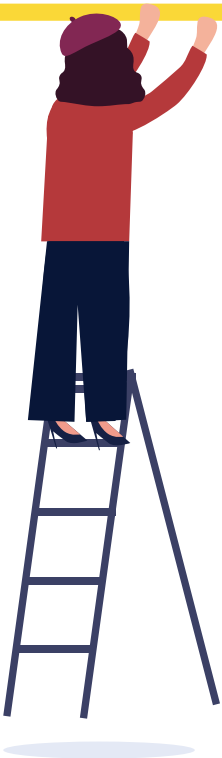
• Phiên bản dành cho các Không gian Văn hóa Sáng tạo •



MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	2
MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT	5
DANH MỤC VÀ TỪ VIẾT TẮT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT	8
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	12
CHƯƠNG 2 : THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	14
Phần 1: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI 100% VỐN VIỆT NAM	14
Phần 2: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI	18
Phần 3: MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA CỦA DNXH CẦN LƯU Ý SAU KHI THÀNH LẬP	18
CHƯƠNG 3: CHUYỂN ĐỔI TỪ DN THÔNG THƯỜNG, HỘ KINH DOANH, CSBTXH, QXH, QTT THÀNH DNXH	20
PHẦN 1: CHUYỂN ĐỔI DN THÔNG THƯỜNG SANG DNXH	20
PHẦN 2: CHUYỂN ĐỔI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ SANG DNXH	21
PHẦN 3: CHUYỂN ĐỔI TỪ CSBTXH, QXH, QTT	21
PHỤ LỤC 1: HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DNXH VÀ HỒ SƠ XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ	23
PHỤ LỤC 2: HỒ SƠ CHUYỂN ĐỔI TỪ DOANH NGHIỆP THÔNG THƯỜNG SANG DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	27
PHỤ LỤC 3: MẪU CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ, HỘI MÔI TRƯỜNG	28
PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ, HỘI MÔI TRƯỜNG	31
PHỤ LỤC 5: MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ, HỘI MÔI TRƯỜNG	34
PHỤ LỤC 6: MẪU THÔNG BÁO TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	36
PHỤ LỤC 7: MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	38
PHỤ LỤC 8: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	40

Lời mở đầu



Hiện nay, Việt Nam chưa có chính sách hay hành lang pháp lý riêng dành cho Không gian văn hóa sáng tạo (KGVHST). Tuy nhiên, Chính phủ đã có định hướng về việc phát triển các loại hình KGVHST, cụ thể trong Nghị quyết số 102/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng đã đặt ra các mục tiêu, nhiệm vụ về: (i) đẩy mạnh hình thành các không gian, môi trường sáng tạo cho cộng đồng các doanh nghiệp và tổ chức sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ văn hóa thông qua các hoạt động kết nối và trao đổi; phát triển mạng lưới tập trung những đơn vị, cá nhân làm việc trong các ngành công nghiệp văn hóa ở các thành phố lớn; xây dựng cơ sở hạ tầng cho các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế cạnh tranh; phát huy vai trò khoa học, công nghệ, đặc biệt công nghệ số; (ii) xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong thời kỳ mới nhằm cải thiện Điều kiện kinh doanh sản phẩm,

dịch vụ văn hóa, nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường; các chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai, khuyến khích sáng tạo đối với văn nghệ sỹ, các doanh nghiệp khởi nghiệp. Đây là những chính sách chung mang tính định hướng, làm nền tảng hình thành một khung hành lang pháp lý trong tương lai để hỗ trợ cho sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa, trong đó có các KGVHST.

Các KGVHST hiện nay đang hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau như quán cà phê, phòng tranh, sân khấu ca nhạc, thư viện, studio,... và chủ yếu được đăng ký dưới mô hình hộ kinh doanh hoặc doanh nghiệp thông thường. Tuy nhiên, các KGVHST có thể cân nhắc lựa chọn thành lập hoặc chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp xã hội (DNXH) để thực hiện các mục tiêu kinh doanh và mục tiêu xã hội của mình với những lý do dưới đây:

(i)

DNXH thành lập dưới loại hình công ty TNHH, công ty cổ phần sẽ có tư cách pháp nhân. Tư cách pháp nhân tạo cho KGVHST khả năng tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập. Điều này mở ra cơ hội cho các KGVHST trong việc tiếp nhận tài trợ, viện trợ từ trong nước và nước ngoài, cũng như tham gia vào các giao dịch độc lập khác vì có con dấu riêng, có tài khoản riêng và hóa đơn giá trị gia tăng,... Ngoài ra, khi hoạt động với tư cách pháp nhân, KGVHST chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn đối với mọi rủi ro của hoạt động kinh doanh, trách nhiệm này sẽ là vô hạn trong trường hợp KGVHST không có tư cách pháp nhân khi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp tư nhân hay hộ kinh doanh.

(ii)

Các nhà tài trợ trong và ngoài nước thường hướng các chương trình tài trợ, ủng hộ đến DNXH bởi DNXH đáp ứng được các tiêu chí: vừa có tư cách pháp nhân, vừa có mục tiêu hoạt động giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Với việc công khai bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của DNXH trên Cổng thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp như là một ghi nhận chính thức mô hình DNXH theo Luật Doanh nghiệp, tạo cơ sở pháp lý để các nhà tài trợ tin tưởng và ủng hộ hoạt động của DNXH.

(iii)

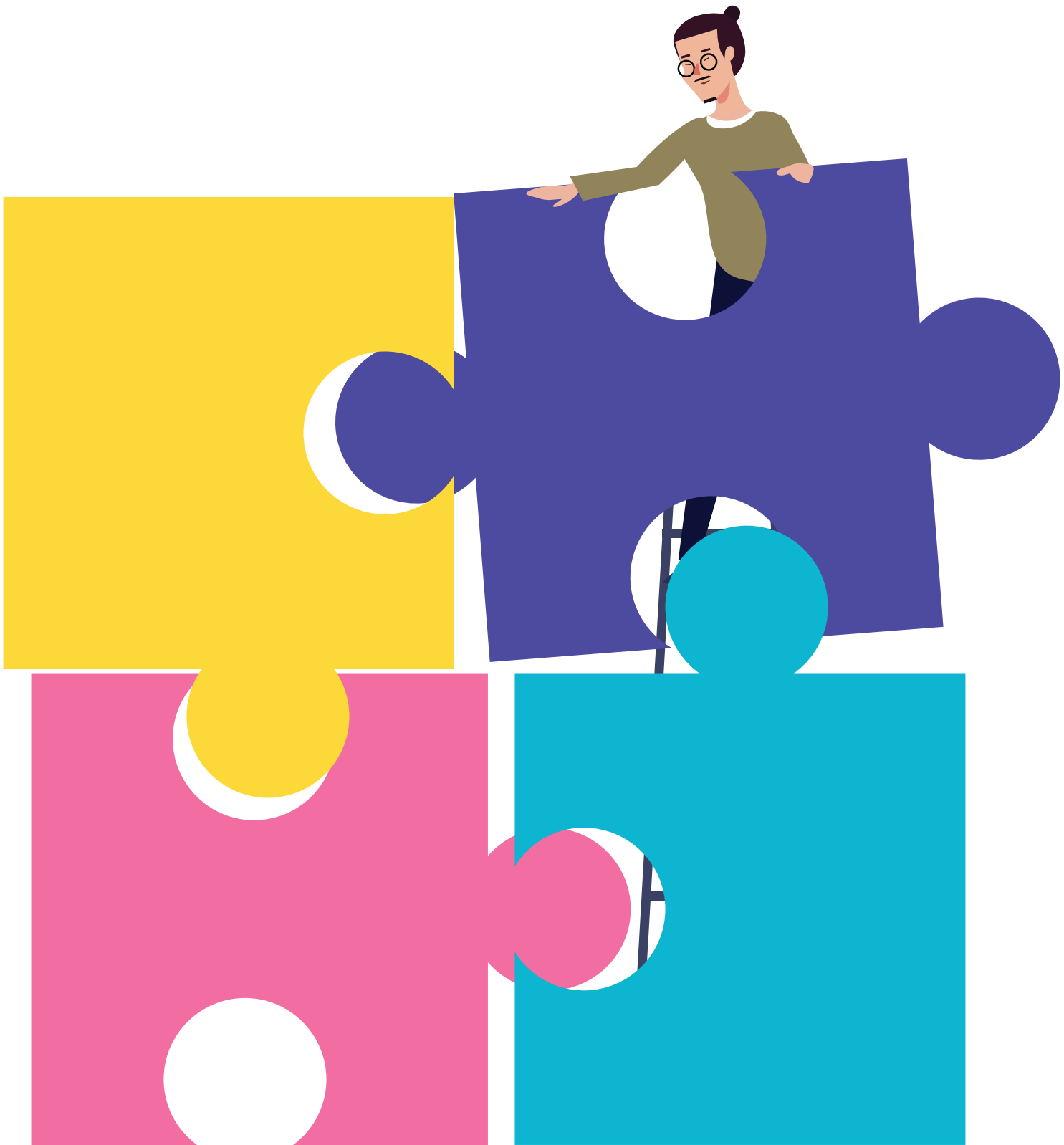
Bên cạnh mô hình DNXH, ở Việt Nam hiện nay còn có mô hình hội, pháp nhân trực thuộc hội hay quỹ xã hội (QXH), quỹ từ thiện (QTT) cũng có tư cách pháp nhân, cũng có mục tiêu hoạt động phi lợi nhuận vì xã hội, môi trường (thường được gọi là các VNGO). Tuy nhiên, hội, pháp nhân trực thuộc hội hay QXH, QTT hoạt động phụ thuộc chủ yếu vào nguồn đóng góp của các thành viên, từ các nguồn tài trợ, viện trợ bên ngoài sẽ không phải là mô hình phát triển bền vững trong tương lai, khi nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài đang giảm và việc quản lý tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài có thể bị hạn chế theo Nghị định sửa đổi và bổ sung ND 93/2009. Còn DNXH là sự kết hợp giữa mô hình vì lợi nhuận và mô hình phi lợi nhuận, theo đó DNXH giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường chủ yếu bằng nguồn lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh của chính mình, bên cạnh việc tiếp nhận các nguồn tài trợ, viện trợ bên ngoài. Có thể thấy rằng, trong tương lai DNXH sẽ là mô hình phát triển bền vững và mạnh mẽ.

Ngoài ra, pháp luật hiện hành quy định về điều kiện và thủ tục thành lập đối với hội, QXH, QTT phức tạp hơn rất nhiều so với DNXH. Còn đối với pháp nhân trực thuộc hội, tuy điều kiện và thủ tục thành lập không phức tạp như hội nhưng lại bị hạn chế về sự tự chủ trong quá trình hoạt động vì phải chịu sự quản lý, giám sát trực tiếp của hội, còn DNXH được hoàn toàn chủ động quyết định mọi vấn đề trong quá trình hoạt động và kinh doanh của mình. Về chế độ báo cáo áp dụng với các DNXH cũng rõ ràng hơn và với ít các nội dung phải báo cáo hơn so với hội, pháp nhân trực thuộc hội, QXH, QTT.

Trong cuốn Cẩm nang này, chúng tôi sẽ hướng dẫn các KGVHST về quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội và chuyển đổi sang doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện **NHQuang và cộng sự**

Đơn vị tư vấn pháp luật cho Hội đồng Anh trong dự án
Không gian Văn hóa Sáng tạo Việt Nam



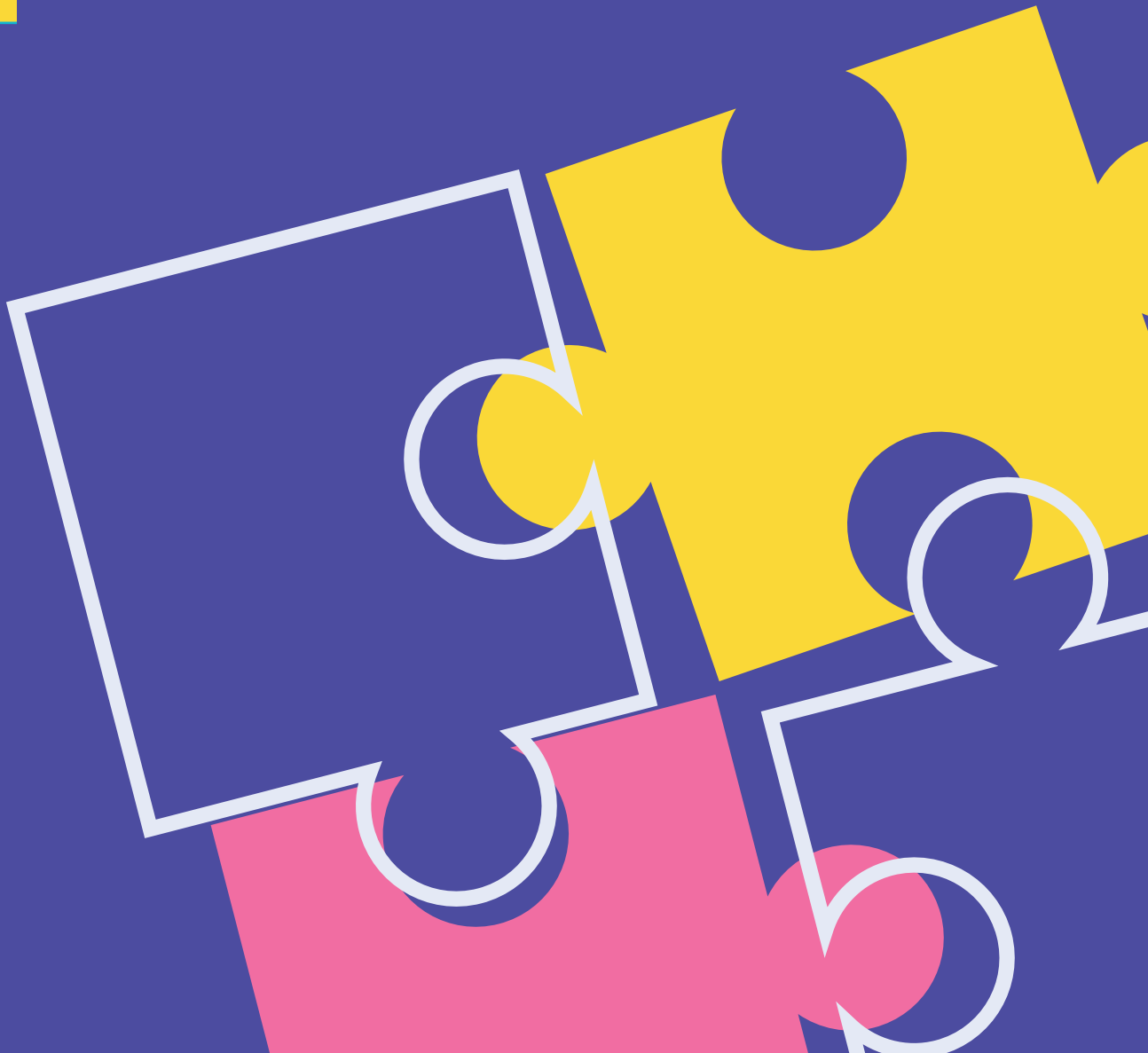
MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT

1	Luật Điện ảnh 2006
2	Luật Điện ảnh sửa đổi 2009
3	Luật Sở hữu trí tuệ 2005
4	Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009
5	Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2019
6	Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/05/2010 ngày của Chính phủ hướng dẫn Luật Điện ảnh 2006 và Luật Điện ảnh sửa đổi 2009
7	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật
8	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh
9	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
10	Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/03/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
11	Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
12	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường
13	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và tổ chức lễ hội
14	Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh
15	Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ về hướng dẫn Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan

16	Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
17	Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
18	Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 105/2006/NĐ-CP
19	Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/07/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim
20	Thông tư 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim kèm theo Quyết định 49/2008/QĐ-BVHTTDL
21	Thông tư 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim
22	Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL hướng dẫn Nghị định 113/2013/NĐ-CP về hoạt động mỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành
23	Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP
24	Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL
25	Thông tư 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/09/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh
26	Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng
27	Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng



28	Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
29	Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/07/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định 32/2012/NĐ-CP về quản lý xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh
30	Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/06/2016 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 15/2012/TT-BVHTTDL; 07/2012/TT-BVHTTDL; 88/2008/TT-BVHTTDL và 05/2013/TT-BVHTTDL
31	Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/06/2018 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 07/2012/TT-BVHTTDL hướng dẫn Nghị định 32/2012/NĐ-CP về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh
32	Thông tư 25/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/08/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc hạn chế hình ảnh diễn viên sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh



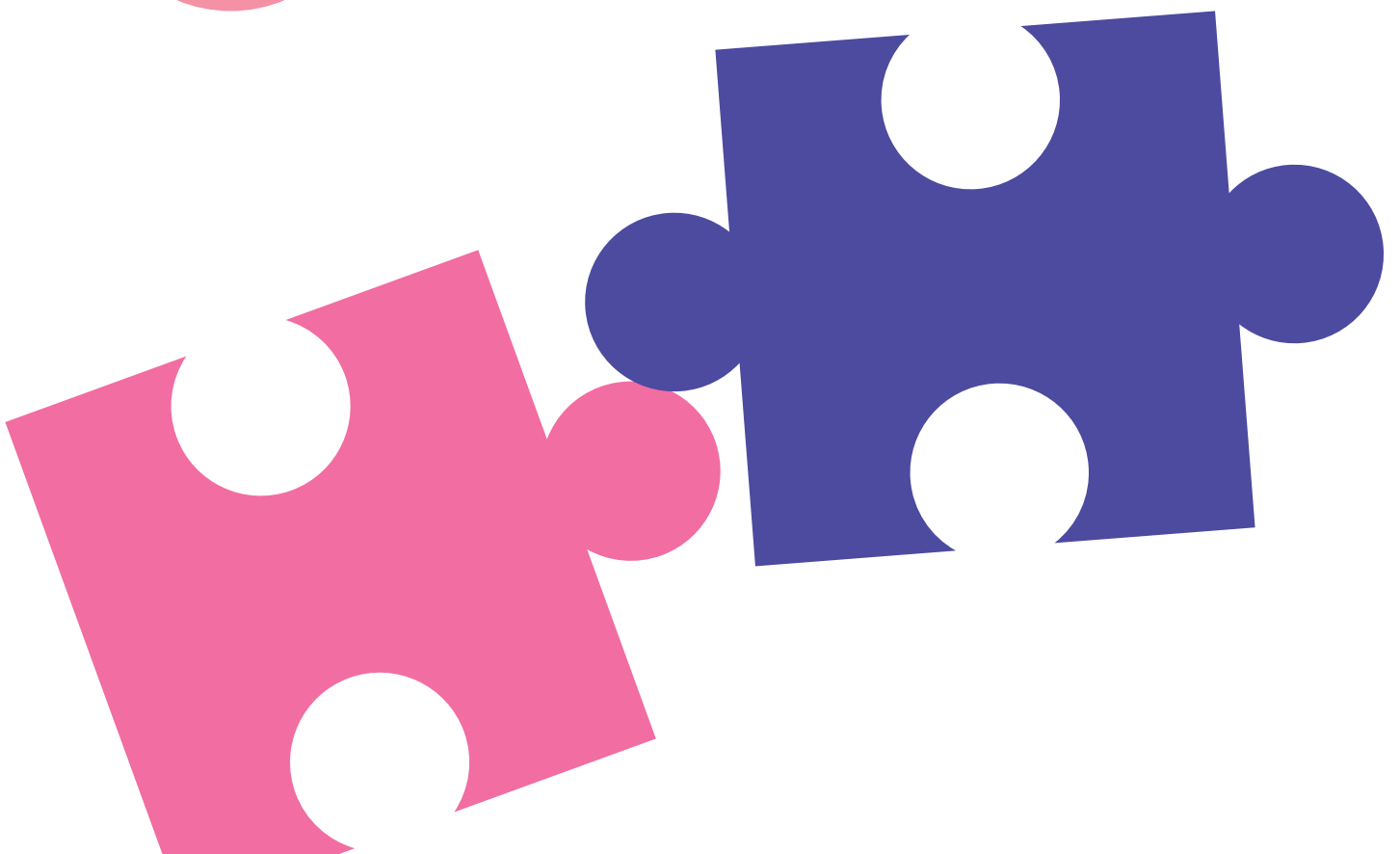
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT

DNXH	Doanh nghiệp xã hội
DN	Doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CSBTXH	Cơ sở bảo trợ xã hội
QXH	Quỹ xã hội
QTT	Quỹ từ thiện
NGO	Tổ chức phi chính phủ
KGVHST	Không gian Văn hóa Sáng tạo
Cổng TTQG về ĐKDN	Cổng thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp ¹
Cổng TTQG về ĐTNN	Cổng thông tin quốc gia về Đầu tư nước ngoài ²
GCN ĐKDN	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
GCN ĐKĐT	Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư
LDN	Luật Doanh nghiệp 2014
LĐT	Luật Đầu tư 2014
NĐ 78/2015	Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp
NĐ 108/2018	Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/08/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 78/2015/NĐ-CP

¹ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx>

² <https://dautunucngoai.gov.vn/fdi>

NĐ 96/2015	Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/08/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 78/2015/NĐ-CP
NĐ 94/2017	Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10/08/2017 của Chính phủ về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại
NĐ 93/2009	Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài
NĐ 118/2015	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật đầu tư
QĐ 27/2018	Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
NQ 102	Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước do Chính phủ ban hành
QĐ 1755	Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
TT 02/2019	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về biểu mẫu trong đăng ký doanh nghiệp
TT 04/2016	Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/05/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP
TT 16/2015	Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam



Cẩm nang hướng dẫn

THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

• Phiên bản dành cho các Không gian Văn hóa Sáng tạo •

Phiên bản điện tử của ấn phẩm có thể tải về từ
www.britishcouncil.vn

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

1. DNXH là gì?

Là một tổ chức kinh doanh, được đăng ký thành lập và hoạt động theo quy định của LDN (giống với các DN thông thường khác).

Có những điểm khác với DN thông thường

- Mục tiêu kinh doanh của DNXH nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng (bên cạnh mục tiêu lợi nhuận);
- Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

2. Có những ưu đãi gì cho DNXH?

Pháp luật hiện hành chưa có quy định về các ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho DNXH.

DNXH được hưởng một số chính sách ưu đãi sau đây với tư cách là một DN thông thường được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam:

Ưu đãi về đất đai³: Chính sách ưu đãi về đất đai được áp dụng căn cứ vào mục đích sử dụng đất và địa bàn nơi có đất mà không dành riêng ưu đãi đặc biệt nào cho DNXH, ví dụ: miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Ưu đãi về thuế:

- Áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đối với phần thu nhập của DN từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa;
- Miễn thuế TNDN đối với khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.
- Miễn, giảm thuế môn bài: Miễn, giảm thuế môn bài chỉ áp dụng đối với một số trường hợp được pháp luật quy định, như đối với hoạt động nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá của tổ chức, cá nhân...
- Ưu đãi thuế nhập khẩu: Được áp dụng rộng rãi đối với tất cả các loại DN, tuy nhiên, việc được áp dụng ưu đãi thuế nhập khẩu hay không phụ thuộc vào loại hàng hóa, mục đích của việc nhập khẩu và DN có đang đầu tư ở địa bàn và lĩnh vực được ưu đãi hay không⁴.

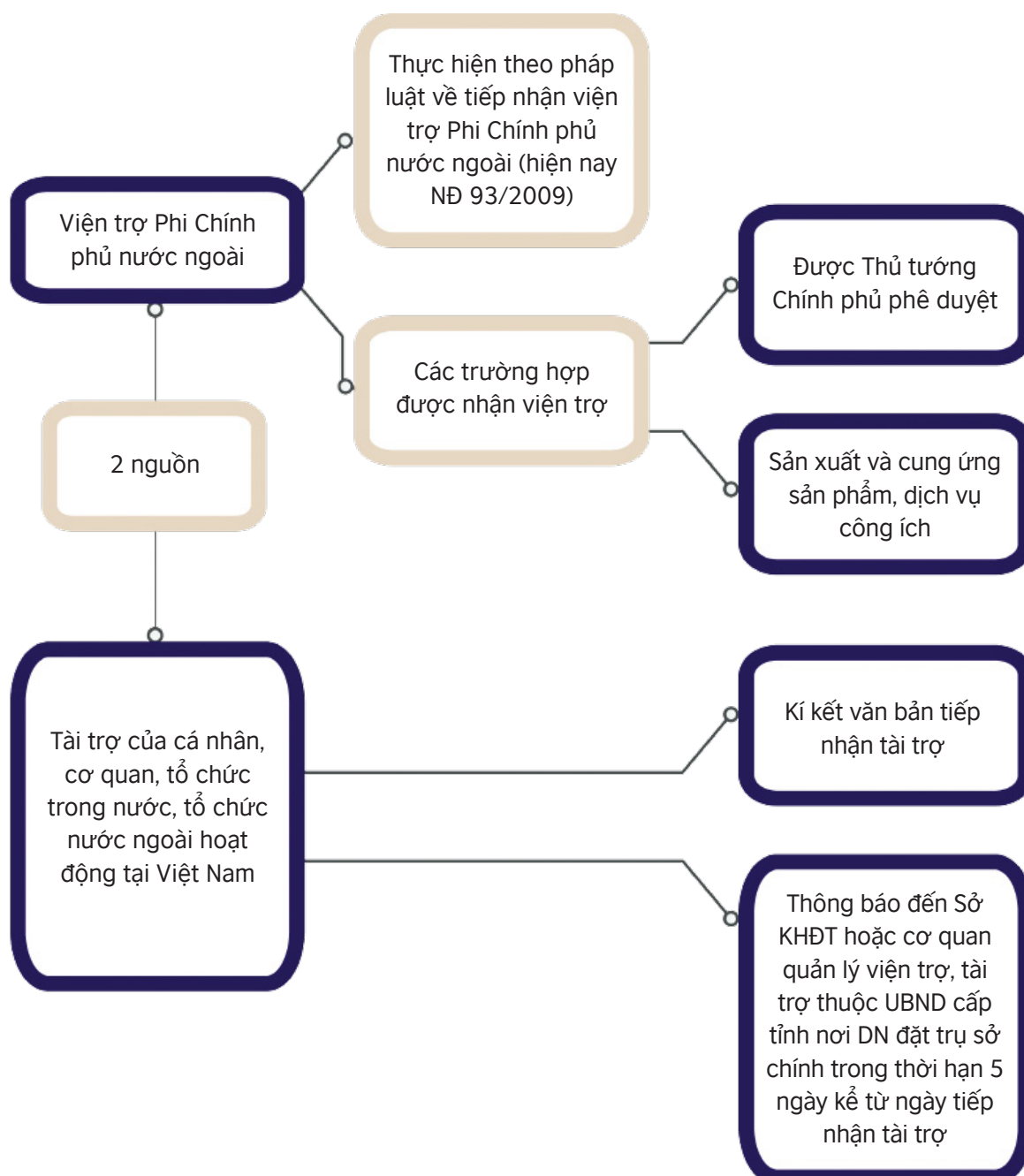
³ Các ưu đãi về đất đai gồm: (i) xem xét cấp đất, cho thuê đất; (ii) miễn, giảm, hỗ trợ tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; (iii) Miễn, giảm các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai như: thuế đất nông nghiệp, thuế đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ, và các khoản phí, lệ phí khác. Xem thêm Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

⁴ Luật thuế xuất nhập khẩu, Điều 16.

Ưu đãi về vốn tín dụng: Như các DN thông thường khác, để được hưởng nhóm chính sách ưu đãi về vốn tín dụng, DNXH thường phải đáp ứng các điều kiện để được vay vốn⁵ như:

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.
- Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết.
- Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả;
- Thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có yêu cầu).
- Vốn tự có phải đạt một tỷ lệ nhất định đối với vốn vay.

3. DNXH tiếp nhận viện trợ, tài trợ như thế nào?



⁵ Quyết định số 20/VBHN-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

CHƯƠNG 2. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

PHẦN 1: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI 100% VỐN VIỆT NAM

1. Các loại hình DN nên lựa chọn?

- Công ty TNHH một thành viên.
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
- Công ty cổ phần.

2. Sự khác nhau giữa các loại hình DN?

Tiêu chí	Thành viên/ cổ đông	Cơ cấu tổ chức
Công ty TNHH một thành viên	Chỉ có một thành viên (chủ sở hữu) là cá nhân hoặc tổ chức;	<ul style="list-style-type: none"> - Với chủ sở hữu là cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ tịch Công ty + Giám đốc/Tổng giám đốc + Những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty. - Với chủ sở hữu là tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ tịch Công ty/Hội đồng thành viên + Giám đốc/Tổng giám đốc + Những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thành viên từ 2 đến 50 - Cá nhân và/hoặc tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng thành viên - Giám đốc/Tổng giám đốc - Ban kiểm soát (bắt buộc đối với công ty có từ 11 thành viên trở lên) - Những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.
Công ty cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ đông tối thiểu là 3 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa - Cá nhân và/hoặc tổ chức 	<p>Được lựa chọn theo một trong hai mô hình sau:</p> <p>(i) Mô hình 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đại hội đồng cổ đông, + Hội đồng quản trị, + Giám đốc/Tổng giám đốc + Ban kiểm soát (bắt buộc đối với công ty có từ 11 cổ đông trở lên hoặc có các cổ đông là tổ chức sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên của công ty) + Những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty. <p>(ii) Mô hình 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đại hội đồng cổ đông, + Hội đồng quản trị (có ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập), + Giám đốc/Tổng giám đốc, + Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, + Những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Điều kiện thành lập DNXH?

Điều kiện chung:

- Người thành lập DN không thuộc các trường hợp mà LDN cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp như: cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong DN nhà nước; người chưa thành niên; ...
- Đăng ký kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm.
- Đáp ứng điều kiện của vốn điều lệ tối thiểu đối với một số ngành, nghề kinh doanh mà pháp luật có yêu cầu như: kinh doanh bất động sản (20 tỷ đồng), sản xuất phim (1 tỷ đồng), ...

Điều kiện áp dụng riêng đối với DNXH:

- Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng;
- Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký.

4. Tên của DNXH?

Tên phải bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau: (i) loại hình doanh nghiệp và (ii) tên riêng. DNXH có thể thêm cụm từ “**xã hội**” hoặc “**doanh nghiệp xã hội**” vào tên riêng. Tuy nhiên, cụm từ “**xã hội**” không phải là cụm từ riêng được quy định để phân biệt DNXH với DN thông thường. DN thông thường cũng có quyền bổ sung cụm từ này vào tên của mình.

Ví dụ về tên: **Công ty TNHH Doanh nghiệp Xã hội Vì Cộng đồng**
Công ty Cổ phần Xã hội Vì Cộng đồng

5. Lưu ý gì khi đặt trụ sở chính?

Không được đăng ký trụ sở chính tại các căn hộ chung cư (trừ phần diện tích được phê duyệt sử dụng cho mục đích kinh doanh), nhà tập thể.

Lưu ý này áp dụng đối với cả DN thông thường và trong trường hợp đăng ký địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của DN.

6. Vốn Điều lệ?

Mức vốn điều lệ của DNXH do chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tự thỏa thuận và quyết định (trừ một số ngành, nghề kinh doanh mà pháp luật có quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu như sản xuất phim, kinh doanh bất động sản, tín dụng, bảo hiểm... DN phải bảo đảm mức vốn này).

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp GCN ĐKDN, chủ sở hữu/thành viên/cổ đông phải góp đủ vốn.

Trường hợp không góp đủ vốn trong thời hạn 90 ngày, phải đăng ký điều chỉnh lại vốn điều lệ theo quy định của LDN.

7. Ngành nghề kinh doanh?

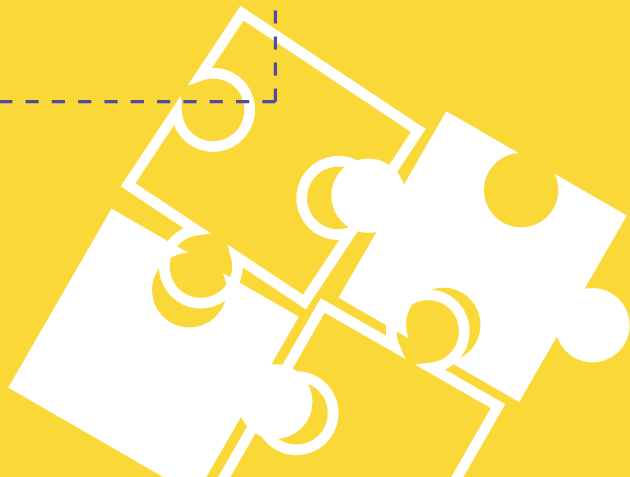
Giống với doanh nghiệp thông thường, DNXH được quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà luật không cấm; đồng thời chỉ được kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và có nghĩa vụ bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh⁶.

8. Hồ sơ (Chi tiết danh mục hồ sơ và hướng dẫn xem Phụ lục 1 và Phụ lục 3)

Hồ sơ chung	Hồ sơ riêng
Bộ hồ sơ thành lập phù hợp với loại hình DN (tương tự DN thông thường).	Bản cam kết mục tiêu môi trường xã hội.

⁶ LDN, Điều 7, Điều 8; LĐT, Điều 6, Điều 7, Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4

9. Trình tự thủ tục thành lập DNXH?

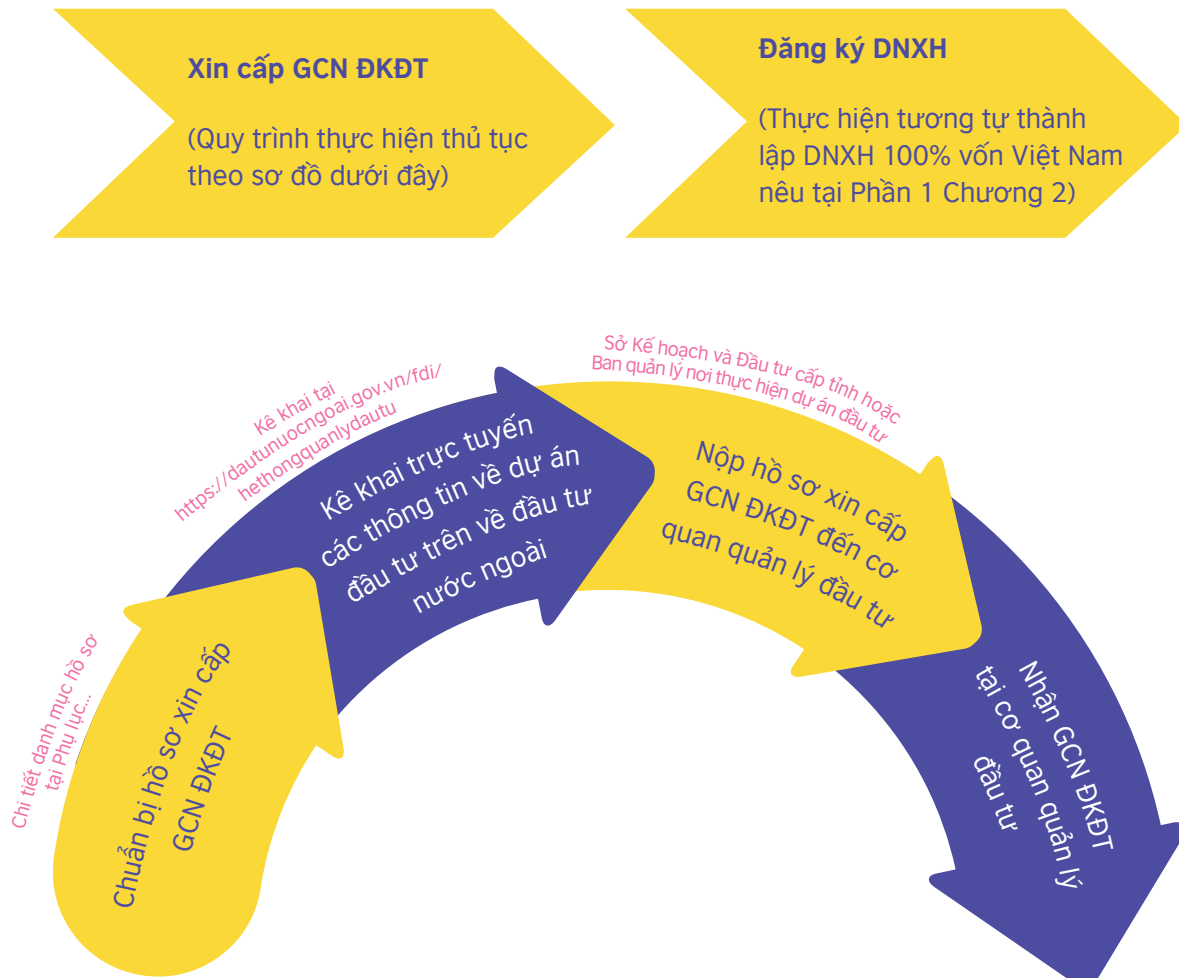


PHẦN 2: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1. Điều kiện đăng ký thành lập DNXH có vốn đầu tư nước ngoài

- Phải có dự án đầu tư;
- Đáp ứng các điều kiện về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, về đối tác Việt Nam cùng tham gia hoạt động đầu tư và các điều kiện khác theo quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam hiện hành (tham khảo Danh mục điều kiện đầu tư trên Cổng TTQG về ĐTNN⁷);
- Các điều kiện tương tự khi đăng ký thành lập DNXH 100% vốn Việt Nam đã trình bày tại Mục I của Phần 1 – Chương 2 ở trên.

2. Thủ tục đăng ký thành lập DNXH có vốn đầu tư nước ngoài



⁷ <https://dautunucngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6>;
<https://dautunucngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautuchitiet/7>

PHẦN 3: MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA CỦA DNXH CẦN LƯU Ý SAU KHI THÀNH LẬP

1. Quyền và nghĩa vụ chung như DN thông thường

- Thuế:

Kê khai và nộp lệ phí môn bài (chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh tại năm đầu tiên thành lập và vào trước ngày 30 tháng 01 hàng năm các năm hoạt động tiếp theo);

Kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân theo quy định pháp luật hiện hành;

DN có vốn ĐTNN phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.

- Đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Ví dụ: phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản xuất phim hoặc phải được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với DNXH kinh doanh dịch vụ đồ uống, thực phẩm, nhà hàng; ...

- Gắn biển tại trụ sở chính của DNXH.

- Thực hiện thủ tục thông báo các thông tin về tài khoản ngân hàng của DNXH tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Góp vốn điều lệ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp GCN ĐKDN.

- Thực hiện các thủ tục với cơ quan bảo hiểm xã hội về các chế độ bảo hiểm cho người lao động trong Công ty.

- Đăng ký nội quy lao động khi DNXH sử dụng từ 10 lao động trở lên.

- Đối với DNXH có vốn ĐTNN thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư online đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng tháng, hàng quý, hàng năm về tình hình thực hiện dự án đầu tư đã đăng ký.

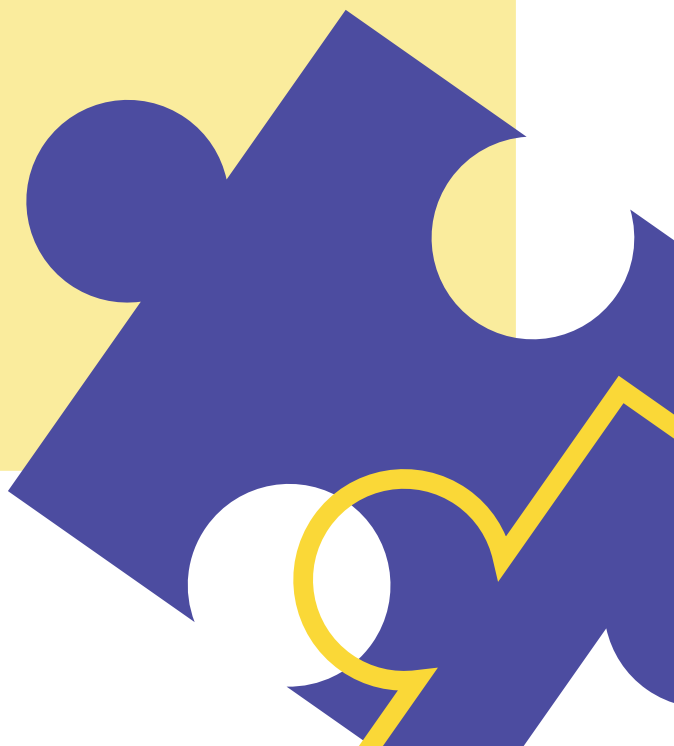
2. Quyền và nghĩa vụ riêng của DNXH

- Duy trì mục tiêu xã hội, môi trường, mức lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư và nội dung khác tại Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong suốt quá trình hoạt động. DNXH phải hoàn lại toàn bộ các ưu đãi, khoản viện trợ, tài trợ dành riêng cho DNXH trong trường hợp không thực hiện đầy đủ Bản Cam kết.

- Thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh về những nội dung thay đổi trong Bản cam kết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi (Phụ lục 4).

- Thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp nhận tài trợ (kèm theo thông báo phải có bản sao Văn bản tiếp nhận tài trợ) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản tiếp nhận tài trợ được ký kết (Phụ lục 6).

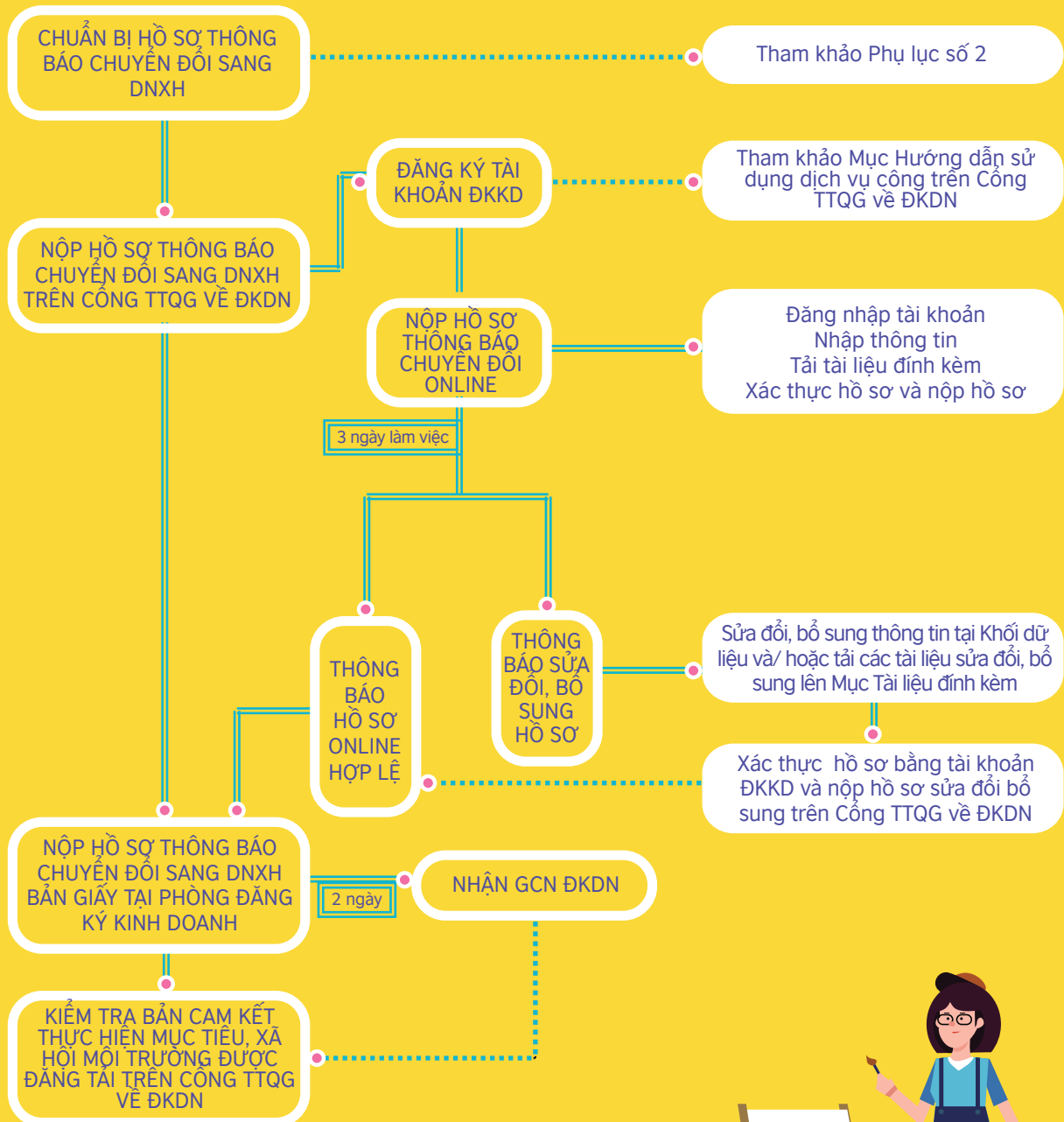
- Trường hợp nhận ưu đãi, viện trợ, tài trợ, định kỳ hàng năm phải gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Báo cáo đánh giá tác động xã hội đối với các hoạt động doanh nghiệp đã thực hiện chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (Phụ lục 8).



CHƯƠNG 3. CHUYỂN ĐỔI TỪ DN THÔNG THƯỜNG, HỘ KINH DOANH, CSBTXH, QXH, QTT THÀNH DNXH

PHẦN 1: CHUYỂN ĐỔI DN THÔNG THƯỜNG SANG DNXH

DN thông thường có thể chuyển sang DNXH bất kì thời điểm nào trong quá trình hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông (căn cứ vào loại hình DN) theo trình tự thủ tục dưới đây:



PHẦN 2: CHUYỂN ĐỔI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ SANG DNXH

Bước 1

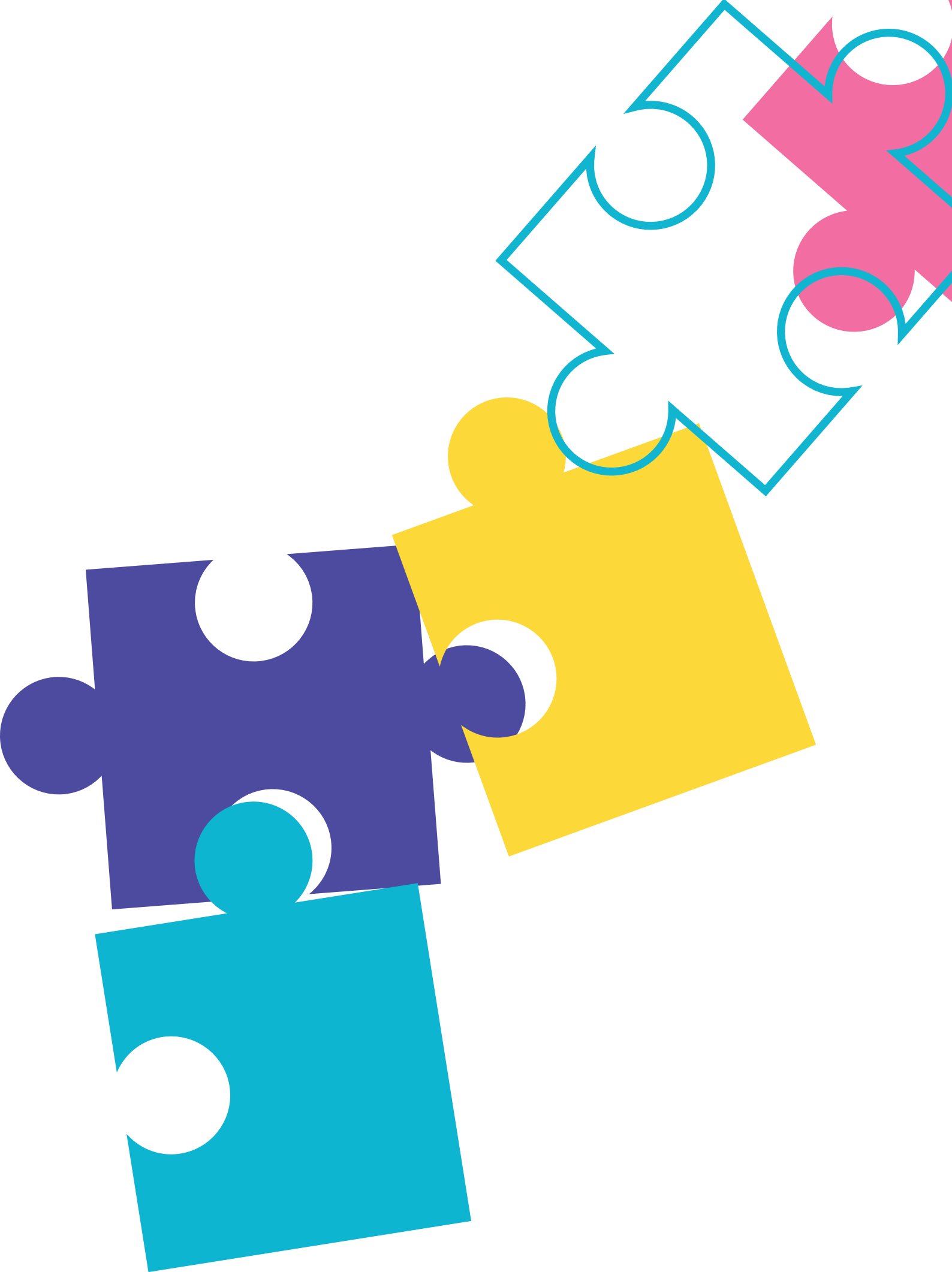
Đăng ký thành lập DNXH trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (thực hiện tương tự thủ tục thành lập DNXH mới)

Bước 2

Hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý cho hộ kinh doanh
(Liên hệ với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để rà soát, đối chiếu và hoàn thành nghĩa vụ thuế. Trường hợp hộ kinh doanh không hoàn thành nghĩa vụ thuế thì DNXH chuyển đổi từ hộ kinh doanh sẽ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh)

PHẦN 3: CHUYỂN ĐỔI TỪ CSBTXH, QXH, QTT





PHỤ LỤC 1

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI VÀ HỒ SƠ XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

A. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

I. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI LOẠI HÌNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

1. Hồ sơ cần soạn thảo và ký:

- a. Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 của Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT);
- b. Điều lệ công ty TNHH một thành viên;
- c. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là tổ chức (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 của Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT);
- d. Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người đại diện theo ủy quyền nếu chủ sở hữu là tổ chức.
- e. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (theo Biểu mẫu 1 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT);
- f. Giấy ủy quyền cho người thực hiện thủ tục.

2. Giấy tờ kèm theo Hồ sơ ký:

- a. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của chủ sở hữu là cá nhân;
- b. Bản sao chứng thực Quyết định thành lập/GCNĐKDN của chủ sở hữu là tổ chức Việt Nam;
- c. Bản hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch công chứng của Quyết định thành lập/GCNĐKDN của chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài;
- d. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là tổ chức;
- e. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền thực hiện thủ tục;
- f. Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI LOẠI HÌNH CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1. Hồ sơ cần soạn thảo và ký:

- a. Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 của Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT);
- b. Điều lệ công ty TNHH hai thành viên trở lên;
- c. Danh sách thành viên;
- d. Văn bản ủy quyền của thành viên cho người đại diện theo ủy quyền nếu thành viên là tổ chức.
- e. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (theo Biểu mẫu 1 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT);
- f. Giấy ủy quyền cho người thực hiện thủ tục.

2. Giấy tờ kèm theo Hồ sơ ký:

- a. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của thành viên là cá nhân;
- b. Bản sao chứng thực Quyết định thành lập/GCNĐKDN của thành viên là tổ chức Việt Nam;
- c. Bản hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch công chứng của Quyết định thành lập/GCNĐKDN của thành viên là tổ chức nước ngoài;
- d. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức;
- e. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền thực hiện thủ tục;
- f. Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI LOẠI HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Hồ sơ cần soạn thảo và ký:

- a. Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 của Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT);
- b. Điều lệ công ty cổ phần;
- c. Danh sách cổ đông sáng lập;
- d. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài;
- e. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nước ngoài là tổ chức (theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 của Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT);
- f. Văn bản ủy quyền của cổ đông cho người đại diện theo ủy quyền nếu cổ đông là tổ chức.
- g. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (theo Biểu mẫu 1 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT);
- h. Giấy ủy quyền cho người thực hiện thủ tục.

2. Giấy tờ kèm theo Hồ sơ ký:

- a. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông là cá nhân;
- b. Bản sao chứng thực Quyết định thành lập/GCNĐKDN của cổ đông là tổ chức Việt Nam;
- c. Bản hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch công chứng của Quyết định thành lập/GCNĐKDN của cổ đông là tổ chức nước ngoài;
- d. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền thực hiện thủ tục;
- f. Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

B. HỒ SƠ XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÔNG THUỘC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Hồ sơ cần soạn thảo và ký:

- a. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo Biểu mẫu I.1 của Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT);
- b. Đề xuất dự án đầu tư (theo Biểu mẫu I.3 của Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT);
- c. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (đối với dự án Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);
- d. Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư;
- e. Giấy ủy quyền của nhà đầu tư cho người thực hiện thủ tục;

2. Giấy tờ kèm theo Hồ sơ ký:

- a. Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân;
- b. Bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;
- c. Bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch công chứng ra tiếng Việt sự Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;
- d. Bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự của một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;
- e. Bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;
- f. Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

PHỤ LỤC 2

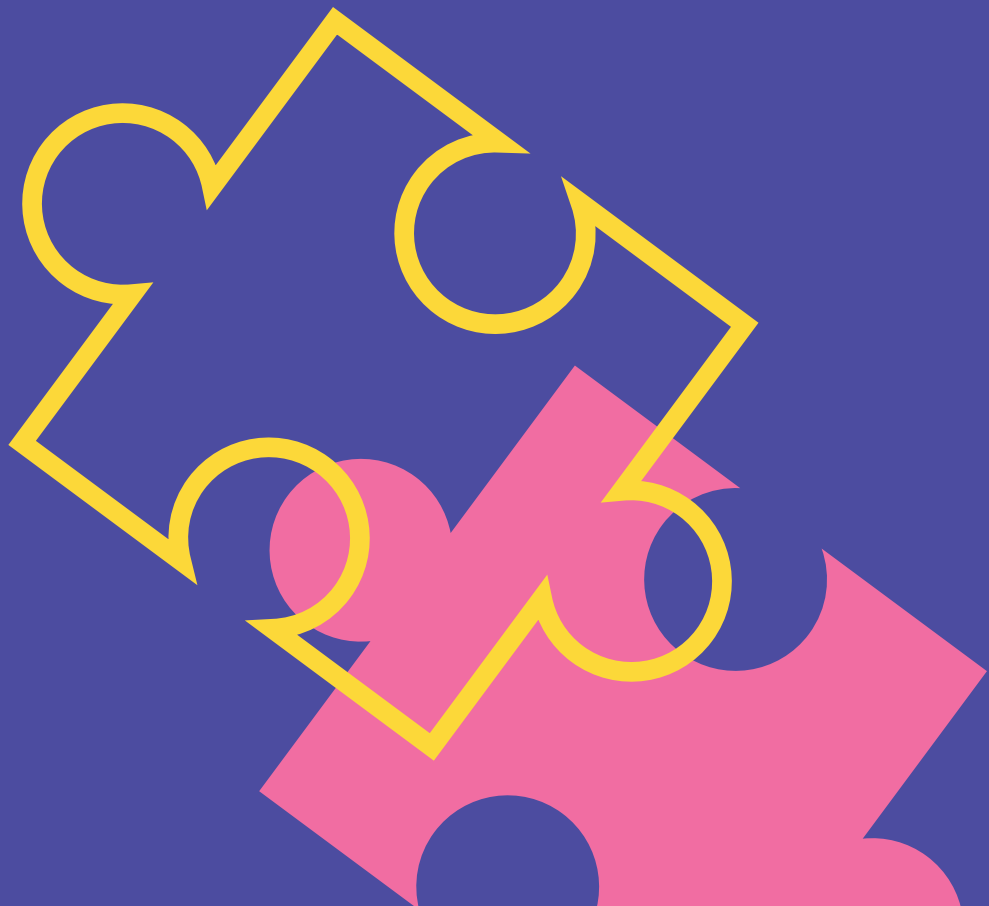
HỒ SƠ CHUYỂN ĐỔI TỪ DOANH NGHIỆP THÔNG THƯỜNG SANG DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

1. Hồ sơ cần soạn thảo và ký:

- a. Quyết định của Chủ sở hữu/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông của Công ty về việc chuyển đổi hoạt động sang DNXH;
- b. Bản sao Biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông của Công ty về việc chuyển đổi hoạt động sang DNXH;
- c. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của DNXH (theo Biểu mẫu 1 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT);
- d. Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp theo mẫu quy định tại TT 02/2019 (Đề nghị đăng Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường);
- e. Giấy ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục;

2. Giấy tờ kèm theo Hồ sơ ký:

- a. Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền thực hiện thủ tục.



PHỤ LỤC 3

MẪU CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

(Biểu mẫu 1 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: *[Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....]*

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

[Chú thích: Bỏ trống trong trường hợp nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới]

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và thực hiện đúng và đầy đủ các hoạt động vì Mục tiêu xã hội, môi trường như cam kết sau đây:

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết

[Chú thích: doanh nghiệp có thể điền nội dung trong Bản cam kết này hoặc viết thành văn bản riêng rồi đính kèm Bản cam kết này]

Các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp nhằm giải quyết	Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp
<p><i>[Chú thích: Mục này cần miêu tả các vấn đề bất cập về xã hội, môi trường mà doanh nghiệp mong muốn giải quyết thông qua các hoạt động kinh doanh]</i></p>	<p><i>Chú thích: [Mục này cần miêu tả cách thức, phương thức kinh doanh mà doanh nghiệp dự kiến tiến hành, như: sản phẩm, dịch vụ là gì, doanh thu đến từ đâu?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể nêu các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường (định tính/định lượng) dự kiến đạt được? - Nêu nhóm đối tượng hưởng lợi. - Lý giải tại sao hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường như miêu tả tại cột bên.]

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm Mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường

[Chú thích: doanh nghiệp đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn dưới đây]

Không thời hạn.

.....năm kể từ [ngày/tháng/năm]: /...../.....

3. Mức lợi nhuận hàng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các Mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký

Doanh nghiệp giữ lại:% tổng lợi nhuận (trong trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận).

[Chú thích: Theo Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hàng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hàng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp].

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Chú thích: Doanh nghiệp có thể điền hoặc bỏ trống nội dung này. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần lưu ý.

Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi Tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các Khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có Mục tiêu xã hội tương tự.

Theo và Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi Tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có Mục tiêu xã hội tương tự.]

5. Chữ ký

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh: các thành viên hợp danh.

c. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Các thành viên là cá nhân.

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức.

d. Đối với công ty cổ phần.

- Cổ đông sáng lập là cá nhân. Cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức. Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập, thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

PHỤ LỤC 4

MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

(Biểu mẫu 2 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp [Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:

Mã số doanh nghiệp:

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và đăng ký thay đổi nội dung cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường như sau đây:

[Chú thích: doanh nghiệp chỉ điền vào Mục có nội dung thay đổi; các Mục khác sẽ bỏ trống hoặc ghi “không” nếu không có thay đổi gì]

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết

a. Nội dung các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp cam kết giải quyết	
[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]	[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]
b. Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp	
[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]	[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm Mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

<i>[Chú thích: ghi đúng thời hạn đã cam kết lần gần nhất]</i>	<i>[Chú thích: ghi rõ thời hạn thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
---	---

3. Mức lợi nhuận hàng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các Mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký.

[Chú thích: Theo Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hàng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hàng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp].

<i>[Chú thích: ghi đúng mức lợi nhuận giữ lại đã cam kết lần gần nhất]</i>	<i>[Chú thích: ghi rõ thay đổi về mức lợi nhuận giữ lại và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
--	---

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi Tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các Khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có Mục tiêu xã hội tương tự.

Theo Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi Tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có Mục tiêu xã hội tương tự.]

<i>[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]</i>	<i>[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
---	---

5. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

6. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên.

Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

PHỤ LỤC 5

MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

(Biểu mẫu 3 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

1. Tên doanh nghiệp [Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:

2. Mã số doanh nghiệp:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Sau khi đã đọc và nhận thức được các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành, doanh nghiệp thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường với lý do như sau đây:

.....

.....

.....

4. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

5. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

☐ Quyết định của doanh nghiệp.

☐ Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

☐ Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

☐ Bản sao Tài liệu thỏa thuận về xử lý số dư tài sản, tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ trong trường hợp doanh nghiệp có nhận tài trợ, viện trợ và còn dư.

PHỤ LỤC 6

MẪU THÔNG BÁO TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

(Biểu mẫu 4 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp [Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:

Mã số doanh nghiệp:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Thông báo việc tiếp nhận viện trợ, tài trợ như sau:

1. Thông tin về cá nhân viện trợ, tài trợ:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

2. Thông tin về tổ chức viện trợ, tài trợ:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông tin người đại diện của tổ chức:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

3. Thông tin về loại tài sản, giá trị và hình thức viện trợ, tài trợ:

.....

4. Tóm lược về Mục đích và nguyên tắc sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

.....

5. Thời Điểm sử dụng viện trợ, tài trợ [yêu cầu đối với doanh nghiệp tiếp nhận viện trợ, tài trợ]:

.....

6. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

Bản sao Văn bản thỏa thuận viện trợ, tài trợ.

Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ (nếu có).

Tài liệu khác [nếu có; ghi rõ tên tài liệu]:

PHỤ LỤC 7

MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

(Biểu mẫu 5 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp [Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:

Mã số doanh nghiệp:

Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ như sau:

1. Thông tin về cá nhân viện trợ:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

2. Thông tin về tổ chức viện trợ:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông tin người đại diện của tổ chức:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

3. Thông tin thay đổi về loại tài sản, giá trị và hình thức viện trợ:

.....

4. Tóm lược nội dung thay đổi về Mục đích và nguyên tắc sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

.....

5. Thay đổi thời Điểm sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

.....

6. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

Bản sao Văn bản thỏa thuận viện trợ, tài trợ (đối với những thay đổi ở nội dung 3, 4 và 5 của Biểu mẫu này).

Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ (nếu có).

Tài liệu khác [nếu có; ghi rõ tên tài liệu].

PHỤ LỤC 8

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

(Biểu mẫu 6 của Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ...

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu, xã hội môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết trong nămnhư sau:

1. Kết quả và mức độ thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết.

<p>Miêu tả các hoạt động mà doanh nghiệp đã triển khai thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường đã cam kết</p>	<p>Các kết quả/chỉ số đã đạt được từ các hoạt động mà doanh nghiệp đã nêu ở cột bên</p>	<p>Đánh giá chung mức độ đạt được trong việc giải quyết vấn đề xã hội, môi trường so với Mục tiêu đã cam kết</p>
<p><i>[Chú thích: miêu tả những hoạt động quan trọng mà doanh nghiệp đã tiến hành trong năm]</i></p>	<p><i>[Chú thích: nêu rõ kết quả đạt được, bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - đối tượng hưởng lợi, mức độ hưởng lợi? - So sánh các chỉ số đạt được so với chỉ số đăng ký ban đầu được nêu tại Cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường (nếu có) 	<p><i>[Chú thích: từ những kết quả đã đạt được, ước tính mức độ các vấn đề xã hội, môi trường đã thực sự được giải quyết so với Mục tiêu đã cam kết]</i></p>

2. Tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ, tài trợ:

a) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã tiếp nhận (đến thời Điểm 31/12/..... lũy kế qua các năm):đồng.

b) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã chi tiêu (đến thời Điểm 31/12/..... lũy kế qua các năm):đồng.

c) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã tiếp nhận (trong năm):đồng.

d) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã chi tiêu (trong năm):đồng.

3. Mức lợi nhuận doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các Mục tiêu xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết:

Tổng giá trị:đồng; chiếm% tổng lợi nhuận.

4. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.



TÀI LIỆU THỰC HIỆN CHO

CULTURAL
AND
CREATIVE
HUBS
VIETNAM

KHÔNG GIAN VĂN HOÁ SÁNG TẠO VIỆT NAM

do Liên minh Châu Âu và Hội đồng Anh đồng tài trợ, và do Hội đồng Anh phối hợp với Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam (VICAS) thực hiện.